

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, KSTTHC (03).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Nhật

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THAY THỂ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 285 /QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

| STT | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định nội dung mới ban hành thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|--|--------------------|--|
| A. Thủ tục hành chính cấp trung ương | | | | |
| 1 | Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Cảng vụ Đường thủy nội địa |
| 2 | Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Cảng vụ Đường thủy nội địa |
| B. Thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương | | | | |
| 3 | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động | Đường thủy nội địa | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải |

| | | | | |
|---|--|--|--------------------|---|
| | | đường thủy nội địa | | |
| 4 | Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải |
| 5 | Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp |
| 6 | Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải |
| 7 | Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận huyện được Ủy |

| | | | | |
|----|-------------------------------------|--|--------------------|---|
| | | | | ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp |
| 8 | Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp |
| 9 | Thiết lập khu neo đậu | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải |
| 10 | Công bố hoạt động khu neo đậu | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải |
| 11 | Công bố đóng khu neo đậu | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải |

| | | | | |
|----|---|--|--------------------|---|
| 12 | Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải |
|----|---|--|--------------------|---|

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên TTHC được thay thế | Tên TTHC thay thế | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi bổ sung | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---------------|---|---|--|--------------------|---------------------------------|
| A. Thủ tục hành chính cấp trung ương | | | | | | |
| 1 | 1.004239 | Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa | Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam |
| 2 | 1.003570 | Phê duyệt Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa | Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam |

| | | | | | | |
|---|----------|---|---|--|--------------------|---------------------------------|
| 3 | 1.004137 | Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa | Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam |
| 4 | 1.003614 | Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa vào cảng, bến thủy nội địa | Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Cảng vụ Đường thủy nội địa |
| 5 | 1.003592 | Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa rời cảng, bến thủy nội địa | Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Cảng vụ Đường thủy nội địa |
| B. Thủ tục hành chính cấp địa phương | | | | | | |
| 6 | 1.003658 | Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa | Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Sở Giao thông vận tải. |

| C. Thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương | | | | | | |
|---|----------|-------------------------------|---|--|--------------------|--|
| 7 | 1.004242 | Công bố lại cảng thủy nội địa | Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. |

3. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế lĩnh trong vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên TTHC được thay thế | Tên TTHC thay thế | Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---------------|---|--|--|--------------------|--|
| A. Thủ tục hành chính cấp địa phương | | | | | | |
| 1 | 1.003788 | Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa. | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Sở Giao thông vận tải |
| 2 | | | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động | Đường thủy nội địa | Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện. |

| | | | | | | |
|---|----------|--|--|--|--------------------|--|
| | | | công trình chính | đường thủy nội địa. | | |
| 3 | 1.003675 | Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa | Công bố hoạt động bến thủy nội địa | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Sở Giao thông vận tải. |
| 4 | | | Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | | Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện. |
| B. Thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương | | | | | | |
| 5 | 1.004248 | Công bố hoạt động cảng thủy nội địa | Công bố hoạt động cảng thủy nội địa | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Bộ Giao thông vận tải hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. |
| 6 | | | Công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 | | Đường thủy nội địa |

| | | | | | | |
|---|----------|---|---|--|--------------------|--|
| | | | ngoài tại cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động | của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | | |
| 7 | | | Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không có nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. |
| 8 | 1.001436 | Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương. | Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. |
| | 1.001529 | Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội | | | | |

| | | | | | | |
|---|----------|--|---|--|--------------------|---|
| | | địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương | | | | |
| 9 | 1.001512 | Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương | Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.. |
| | 1.001410 | Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương | | | | |
| | 1.001415 | Thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia | Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản | Đường thủy nội địa | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Chi cục đường |

| | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|--------------------|--|
| 10 | 1.001421 | Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia | | lý hoạt động đường thủy nội địa | | thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải |
| | 1.001426 | Thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương | | | LuatVietnam | |
| | 1.001429 | Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương | | | | |
| 11 | 1.004252 | Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa. | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. |
| 12 | 1.001520 | Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên | Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy | Đường thủy nội địa | Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục |

| | | | | | | |
|--|----------|--|---|--|--|--|
| | | đường thủy nội địa quốc gia | không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa | định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | | đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ đường thủy nội địa |
| | 1.001535 | Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng đi qua hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương. | | | | |
| | 1.001531 | Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương. | | | | |
| | 1.001542 | Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa | | | | |

| | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--------------------|--|
| | | phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương | | | | |
| 13 | 1.001404 | Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa quốc gia | Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Đường thủy nội địa | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Đường thủy nội địa |
| | 1.001406 | Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương | | | | |
| | 1.002900 | Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp thi công công trình trên đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên; đường | | | | |

| | |
|----------|--|
| | <p>thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương</p> |
| 1.001551 | <p>Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trường hợp thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương.</p> |
| 1.001576 | <p>Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội</p> |

| | | | | | | |
|----|----------|---|---|---|--------------------|---|
| | | địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương. | | | | |
| | 1.001582 | Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương. | | | | |
| 14 | 1.001394 | Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa quốc gia. | Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông | Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động | Đường thủy nội địa | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Sở |

| | | | | |
|----------|--|--|--------------------|-----------------------------|
| 1.001596 | <p>Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với các công trình thi công liên quan đến đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương</p> | | đường thủy nội địa | Giao thông vận tải, Cảng vụ |
| 1.001608 | <p>Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với các công trình thi công liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.</p> | | | |

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THAY THẾ TRONG PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 285 /QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện dự kiến đến cửa khẩu, người làm thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam khai báo giấy tờ thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

- Cảng vụ kiểm tra các thông tin khai báo, tra cứu dữ liệu phương tiện, thuyền viên Việt Nam trên cơ sở dữ liệu điện tử của các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết thủ tục cấp giấy phép cho phương tiện vào cảng thủy nội địa;

- Cảng vụ chỉ yêu cầu người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ trong trường hợp cơ sở dữ liệu không có thông tin của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện hoặc không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu hoặc không bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử và người làm thủ tục chỉ khai báo dữ liệu lần đầu về phương tiện, thuyền viên trên phần mềm điện tử (do người làm thủ tục lựa chọn). Cảng vụ làm thủ tục đầu tiên kiểm tra, đối chiếu dữ liệu khai báo với bản chính xuất trình để giải quyết thủ tục cho phương tiện vào cảng thủy nội địa hoặc khi có sự thay đổi. Cơ sở dữ liệu về thuyền viên, người lái phương tiện, phương tiện, cảng thủy nội địa được lưu giữ trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để làm cơ sở dữ liệu cho những lần làm thủ tục tiếp theo;

- Thời hạn xuất trình các giấy tờ không có trong cơ sở dữ liệu: Chậm nhất 02 giờ, kể từ khi phương tiện đã neo đậu tại cầu cảng hoặc 04 giờ phương tiện đã neo đậu tại vị trí khác trong vùng nước cảng thủy nội địa;

- Trách nhiệm làm thủ tục của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa:

+ Cảng vụ có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ; trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

+ Cơ quan Hải quan chịu trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm a, c, d, đ, e khoản 1 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính

phủ; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ; trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

+ Bộ đội Biên phòng cửa khẩu chịu trách nhiệm chính kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, i, k khoản 1, điểm c khoản 2 của Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ; và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với các giấy tờ quy định tại các điểm i, k khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ, trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

+ Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm c, g khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ, trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

+ Cơ quan kiểm dịch động vật có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm c, h khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ tại điểm h khoản 1 Điều này, trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

+ Cơ quan kiểm dịch y tế có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ; và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ đã kiểm tra trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

- Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành các thủ tục khai báo điện tử và xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo quy định, trên cơ sở ý kiến phản hồi của các cơ quan liên quan, Cảng vụ cấp giấy phép điện tử cho phương tiện vào cảng thủy nội địa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

1.2. Cách thức thực hiện: Thực hiện theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

1.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải khai báo theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, gồm:

+ Thông báo phương tiện đến cảng thủy nội địa theo mẫu;

+ Giấy phép rời cảng thủy nội địa theo mẫu;

+ Bản khai chung theo mẫu;

- + Danh sách thuyền viên theo mẫu;
- + Danh sách hành khách theo mẫu;
- + Bản khai hàng hóa theo mẫu;
- + Bản khai kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật theo mẫu;
- + Bản khai kiểm dịch động vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật theo mẫu;
- + Bản khai vũ khí và vật liệu nổ (nếu có) theo mẫu;
- + Bản khai người trốn trên tàu (nếu có) theo mẫu.
- Giấy tờ phải xuất trình :
 - + Giấy tờ xuất trình cho Cảng vụ gồm: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện, giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng trong trường hợp phương tiện đang cầm cố, thế chấp), giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện, bản sao giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự (đối với phương tiện thuộc diện bắt buộc phải có bảo hiểm trách nhiệm dân sự), giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia;
 - + Giấy tờ xuất trình cho Cơ quan Hải quan: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện;
 - + Giấy tờ xuất trình cho Bộ đội Biên phòng cửa khẩu: Hộ chiếu và giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của thuyền viên, hành khách (nếu có);
 - + Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch thực vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật);
 - + Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch động vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật của nước xuất hàng (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật);
 - + Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch y tế: Giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế của thuyền viên, người lái phương tiện, hành khách (trong trường hợp xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mắc bệnh hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành các thủ tục khai báo điện tử và xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cảng vụ Đường thủy nội địa.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ Đường thủy nội địa.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan hải quan, Bộ đội biên phòng, Cơ quan kiểm dịch thực vật, Cơ quan kiểm dịch động vật, Cơ quan kiểm dịch y tế.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép điện tử cho phương tiện vào cảng thủy nội địa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

1.8. Phí, lệ phí: Theo phí, lệ phí quy định tại Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Thông báo phương tiện đến cảng thủy nội địa;
- Giấy phép rời cảng thủy nội địa theo;
- Bản khai chung;
- Danh sách thuyền viên;
- Danh sách hành khách;
- Bản khai hàng hóa;
- Bản khai kiểm dịch thực vật;
- Bản khai kiểm dịch động vật;
- Bản khai vũ khí và vật liệu nổ;
- Bản khai người trốn trên tàu.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa

Mẫu: THÔNG BÁO PHƯƠNG TIỆN ĐẾN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

THÔNG BÁO TÀU ĐẾN/RỜI CẢNG
NOTICE OF VESSEL ARRIVAL/DEPARTURE AT PORTS

| | | | |
|--|--|--|---|
| Tên và loại tàu: Name and type of ship | | Cầu, bến xin cập/rời Name of berth required | Thời gian dự kiến đến vùng đón trả hoa tiêu E.T.A at Pilot Stat |
| | | Thời gian dự kiến cập/rời cầu ETB/ETD | Tốc độ điều động hết máy Full manoeuvring speed |
| Quốc tịch tàu Flag State of ship | Tên thuyền trưởng Name of master | Cảng rời cuối cùng Last port of call | Cảng tới Nextport |
| Giấy chứng nhận đăng ký (số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Number, date of issue, and Port) | | Tên và địa chỉ của chủ tàu Name and address of the shipowners Tên và địa chỉ liên lạc của người khai thác tàu: Name and contact details of the ship operators | |
| Chiều dài lớn nhất Lenght over all (LOA) | Chiều rộng Breadth | Chiều cao tĩnh không Air draft | Mớn nước thực tế khi đến/rời Actual draft on arrival/departure Mũi(F).....Lái (A)..... |
| Tổng dung tích Gross tonnage (GT) | Trọng tải toàn phần Deadweight (DWT) | Đại lý của chủ tàu Name of shipowners/agents Địa chỉ: Tel: Fax: Đại lý viên: Mobi: | |
| Mục đích đến cảng Purpose of call | Tàu lai hỗ trợ Tug boat | Chân vịt ngang mũi/lái/công suất Bow/Stern thruster/Power | |
| Số lượng hàng hóa vận chuyển trên tàu:..... Loại hàng..... Quantity of cargoe on board Types of cargoe Hàng nhập:..... Hàng xuất:..... Hàng nhập nội địa..... Hàng xuất nội địa..... Import Export Domestic in Domestic out | | | |
| Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. Master) | Số hành khách Number of passengers | Ghi chú: Remarks | |
| Những người khác trên tàu Other persom on board | | | |

....., ngày...tháng...năm...

Date

ĐẠI LÝ HOẶC CHỦ TÀU
Agent of Master

Mẫu: GIẤY PHÉP RỜI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI
ĐỊA...
**ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA...**

Số:.../GP...

**GIẤY PHÉP RỜI
CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

Tên tàu:
Quốc tịch tàu:
Dung tích toàn
phần:.....
Tên thuyền
trưởng:.....
Số thuyền
viên:.....
Số hành khách:.....
Hàng hóa trên tàu:.....
Hàng hóa quá cảnh:.....
Rời
cảng:.....
Lúcgiờ.....ngày...../...../.....

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA...
Inland Waterway Port Authority area
**ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA...**

Representative ...

Số:.../GP...

N°

**GIẤY PHÉP RỜI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
PORT CLEARANCE**

Tên tàu: Quốc tịch tàu:
Name of ship:..... Flag Stage of ship.....
Dung tích toàn phần(Gross tonnage):.....
Tên thuyền trưởng:..... Số thuyền viên:.....
Name of Master/Captain..... Number of
crews.....
Số hành khách(Number of passengers):.....
Hàng hóa trên tàu:..... Hàng hóa quá cảnh:.....
Cargo..... Transit cargo.....
Thời gian rời cảng:(1) giờ.....ngày.....tháng.....năm.....
Time of departure Date.....
Cảng đến:
Next port of call
Giấy phép rời cảng này có hiệu lực đến....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

| | |
|--|--|
| Có hiệu lực đến...giờ...ngày...năm... | This port clearance is valid until |
| Nơi đến..... để..... | Lưu ý về luồng lạch, bão lũ và các thông tin cần thiết khác:..... Others ralated information..... |
| Tuyến hành trình:..... | |
| Thời gian dự kiến đến:..... | |
| Lưu ý về luồng lạch, bão lũ và các thông tin cần thiết khác: | |
| | <i>Ngày...tháng...năm...</i> Date.... |
| <i>Ngày...tháng...năm...</i> NGƯỜI CẤP GIẤY PHÉP | NGƯỜI CẤP GIẤY PHÉP (issuing authority) |

Ghi chú: Giấy phép đóng dấu treo treo của Cảng vụ hoặc Đại diện Cảng vụ trên góc trái phía trên;
(1) hoặc là khu neo đậu.

Mẫu: BẢN KHAI CHUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI CHUNG

GENERAL DECLARATION

| | Đến Arrival | Rời Departure |
|--|--|--|
| 1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship: | 2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure | 3. Thời gian đến/rời cảng Date - Time of arrival/departure |
| 1.2 Số IMO: IMO number: | | |
| 1.3 Hồ hiệu: Call sign: | | |
| 1.4 Số chuyến đi: Voyage number: | | |
| 4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship | 5. Tên thuyền trưởng: Name of Captain | 6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/Destination port |
| 7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Registration (Port, date of issue; number) | | 8. Tên và địa chỉ liên lạc của đại lý/người làm thủ tục: Name and contact details of the Agent |
| 9. Tổng dung tích: Gross tonnage | 10. Dung tích có ích: Net tonnage | |
| 11. Vị trí tàu tại cảng: Position of the ship in the port (berth or terminal) | | |
| 12. Đặc điểm chính của chuyến đi: Briefing the main particulars of voyage Các cảng trước: Previous port of call Các cảng sẽ đến: Subsequent port of call Các cảng sẽ dỡ hàng: Ports where remaining cargo will be discharged Số hàng còn lại: Remaining cargo | | |

LuatVietnam

| | | | | |
|---|--|---|--|------------------------|
| 13. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu: Description of the cargo | | | | |
| Loại hàng hóa Kind of cargo | Tên hàng hóa Cargo name | Số lượng hàng hóa The quantity of cargo | | Đơn vị tính Unit |
| Thông tin về hàng hóa quá cảnh Description of the cargo in transit | | | | |
| Loại hàng hóa Kind of cargo | Tên hàng hóa Cargo name | Số lượng hàng hóa The quantity of cargo | Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging | Đơn vị tính Unit |
| 14. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. Master/Captain) | 15. Số hành khách Number of passenger | 16. Ghi chú: Remarks | | |
| Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản) Attached documents (indicate number of copies) | | | | |
| 17. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration | 18. Bản khai dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration | | | |
| 19. Danh sách thuyền viên Crew List | 20. Danh sách hành khách Passenger List | 21. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue reception facilities | | |
| 22. Bản khai hành lý thuyền viên (*) Crew's luggage Declaration (*) | 23. Bản khai kiểm dịch y tế (*) Declaration of Health (*) | | | |
| |, ngày ... tháng ... năm 20... Date... Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền) Master/Captain (or agent/officer authorized) | | | |

(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng

Only on arr

Mẫu: DANH SÁCH THUYỀN VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN
CREW LIST

| | | | | | |
|--|--|---|---|---|--|
| | | Đến Arrival | | Rời Departure | Trang số: Page No: |
| 1.1. Tên tàu: Name of ship Số đăng ký: Registration number: | | 2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure | | 3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure | |
| 1.2. Số chuyến đi: Voyage number | | | | | |
| 4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship | | | 5. Cảng rời cuối cùng: Last port of call | | |
| 6. STT No. | 7. Họ và tên Family name, given name | 8. Chức danh Rank or rating/ Title | 9. Quốc tịch Nationality | 10. Ngày và nơi sinh Date and place of birth | 11. Loại và Số Hộ chiếu Nature and No. of identity document (seaman's passport) |
| | | | | | |

..., ngày... tháng... năm ...

Date

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
 Captain/Master (agent/officer Authorized)

Mẫu: DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH
PASSENGER LIST

| | | | | | | | |
|--|---|--|--|---|---|---|--|
| | | Đến Arrival | | Rời Departure | | Trang số: Page No: | |
| 1.1. Tên tàu Name of ship | 2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure | | 3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure | | | | |
| 1.2. Số chuyến đi: Voyage number | | | | | | | |
| 4. Quốc tịch tàu Flag State of ship | | | | | | | |
| 5. Họ và tên Family name, given name | 6. Quốc tịch Nationality | 7. Ngày và nơi sinh Date and place of birth | 8. Loại Hộ chiếu Type of identity or travel document | 9. Số Hộ chiếu Serial number of identity or travel document/ Passport | 10. Cảng lên tàu Port of embarkation | 11. Cảng rời tàu Port of disembarkation | 12. Hành khách quá cảnh hay không Transit passenger or not |
| | | | | | | | |

..., ngày... tháng ... năm 20...

Date...

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master/Captain (Agent or officer Authorized)

Mẫu: BẢN KHAI HÀNG HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA
CARGO DECLARATION

| | | Đến Arrival | Rời Departure | Trang số Page No: |
|-------------------|---|---|---|------------------------------|
| Vận đơn số* | 1.1. Tên tàu: Name of ship | 2. Cảng lập bản khai: Port where report is made | | |
| | 1.2. Số chuyến đi: Voyage number | | | |
| B/L No | 3. Quốc tịch tàu: Flag State of ship | 4. Tên thuyền trưởng: Name of master/captain | 5. Cảng bốc/dỡ hàng hóa: Port of loading/Port of discharge | |
| | 6. Ký hiệu và số hiệu hàng hóa Marks and Nos. | 7. Số và loại bao kiện; loại hàng hoá, mã hàng hóa Number and kind of packages; description of goods, or, if available, the HS code | 8. Tổng trọng lượng Gross weight | 9. Kích thước Measurement |
| | | | | |
| | | | | |

* Số Vận đơn: Khai cảng nhận hàng chính thức theo phương thức vận tải đa phương thức hoặc vận đơn suốt.

B/L No: Also State original port by shipment using multimodal transport document or through Bill of Lading

..., ngày... tháng... năm ...

Date

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
 Master (Authorized agent or officer)

Mẫu: BẢN KHAI KIỂM DỊCH THỰC VẬT ĐỐI VỚI HÀNG HÓA THUỘC ĐIỆN
KIỂM DỊCH THỰC VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI KIỂM DỊCH THỰC VẬT
DECLARATION FOR PLANT QUARANTINE

Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:
.....
Name of ship..... Flag State of ship
.....

Tên thuyền trưởng:..... Tên bác sỹ:
.....
Name of master..... Name of doctor
.....

Số thuyền viên:..... Số hành khách:
.....
Number of crew..... Number of passengers
.....

Cảng rời cuối cùng:..... Cảng đến tiếp theo:
.....
Last port of call..... Next port of call
.....

Cảng bốc hàng đầu tiên và ngày rời cảng đó:
The first port of loading and the date of departure:
.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng thực vật nhận ở cảng đầu tiên:
.....
Name, quantity and weight of plant goods loaded at the first port:
.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng thực vật nhận ở các cảng trung gian và tên các cảng đó:.....
.....
Name, quantity, weight of plant goods loaded at the intermediate ports and the names of these ports:

.....
.....
Tên, số lượng và khối lượng hàng thực vật cần bốc ở cảng này:

.....
Name, quantity and weight of plant goods to be discharged at this port:
.....

Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch thực vật.

The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for full compliance with the said regulations on plant quarantine.

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

Date...

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

Mẫu: BẢN KHAI KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT ĐỐI VỚI HÀNG HÓA THUỘC ĐIỆN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
DECLARATION FOR ANIMAL QUARANTINE

Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:
.....
Name of ship..... Flag State of ship
.....
Tên thuyền viên:..... Tên hành khách:
.....
Number of crew..... Number of passengers
.....
Cảng rời cuối cùng:..... Cảng đến tiếp theo:
.....
Last port of call..... Next port of call
.....
Tên hàng động vật và sản phẩm động vật nhận ở cảng đầu tiên:
.....
Animal and animal products loaded at the first
port.....
Tên hàng động vật và sản phẩm động vật dỡ ở các cảng trung gian và tên cảng
đó:.....
.....
Animal and animal products loaded at the intermediate ports and the name of the ports
Tên hàng động vật và sản phẩm động vật dỡ ở cảng này:
.....
Animal and animal products to be discharged at this port
Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành
đầy đủ các quy định về kiểm dịch động vật.
The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his
responsibility for full compliance with the said regulations on animal quarantine.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Date...

**Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy
quyền)**

Master (Authorized agent or officer)

Mẫu: BẢN KHAI VŨ KHÍ VÀ VẬT LIỆU NỔ

BẢN KHAI VŨ KHÍ VÀ VẬT LIỆU NỔ
DECLARATION OF ARMS AND EXPLOSIVE MATERIALS

Trang số:

Page number:

Tên tàu: Số

IMO.....

Name of ship *IMO*
number.....

Quốc tịch tàu: Hô

hiệu.....

Flag State of ship..... *Call*
sign.....

Tên thuyền trưởng: Đại lý tàu

biển.....

Master 's name *Shipping*
agent.....

| Thứ tự <i>Order</i> | Loại vũ khí và vật liệu nổ <i>Kind and description of arm and explosive material</i> | Số lượng <i>Quantity</i> | Tên và số hiệu <i>Mask and number</i> | Nơi cất giữ, bảo quản <i>Stored place</i> |
|-------------------------------|--|------------------------------------|---|---|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

CHỮ KÝ ĐẠI LÝ

Agent's signature

CHỮ KÝ THUYỀN TRƯỞNG

Master's signature

ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN

Place and date

ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN

Place and date

Mẫu: BẢN KHAI NGƯỜI TRÓN TRÊN TÀU
BẢN KHAI NGƯỜI TRÓN TRÊN TÀU
DECLARATION OF STOWAWAY

1. Chi tiết về tàu/Ship details

Tên tàu/*Name of ship*:..... Đại lý cảng tiếp /*Agent in next port*:

.....

Số IMO/*IMO number*:..... Địa chỉ đại lý/*Agent address*:

.....

Quốc tịch tàu/*Flag State of ship*:..... IRCS:

.....

Công ty tàu/*Company*:..... Số INMARSAT/*INMARSAT*
number:.....

Địa chỉ công ty/*Company address*:..... Cảng đăng ký/*Port of registry*:

.....

Tên thuyền trưởng/*Name of the Master*:.....

Đại lý tàu biển/*Shipping agent*:

2. Chi tiết về người trốn trên tàu/Stow away details

Thời gian phát hiện trên tàu/*Date/time found on board*:

.....

Nơi tìm thấy trên tàu/*Place of boarding*:

.....

Quốc gia xảy ra việc trốn lên tàu/*Country of boarding*:

.....

Thời gian xảy ra việc trốn lên tàu/*Date/time of boarding*:

.....

Đích cuối cùng của người trốn trên tàu/*Intended final destination*:

.....

Lời khai lý do trốn trên tàu/*Stated reasons for boarding ship*:

.....

Họ/*Surname*:

.....

Tên/*Given name*:

.....

Tên khác/*Name by which known*:

.....

Giới tính/*Gender*:

.....

Ngày sinh/*Date of birth*:

.....

Nơi sinh/*Place of birth*:

.....

Khai báo về quốc tịch/*Claimed nationality*:

.....

Địa chỉ nhà riêng/*Home address:*

.....

Quốc gia cư trú/*Country of domicile:*

.....

Số-loại giấy tờ/*ID-document type, e.g. Passport No:*

.....

Số Chứng minh hoặc số thuyền viên/*ID- Card No. or Seaman's book No:*

.....

Nếu có/*If yes,*

.....

Ngày cấp/*When issued:*

.....

Nơi cấp /*Where issued:*

.....

Ngày hết hạn/*Date of expiry:*

.....

Cơ quan cấp/*Issued by:*

.....

Ảnh của người trốn trên tàu/*Photograph of the stowaway:*

.....

Đặc điểm nhận dạng của người trốn trên tàu/
General physical description of the stowaway:

.....

.....

Ngôn ngữ sử dụng chính/*First language:*

.....

Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*

.....

Khả năng đọc /*Read:*

.....

Khả năng viết/ *Written:*

.....

Ngôn ngữ khác/*Other languages:*

.....

Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*

.....

Khả năng đọc/*Read:*

.....

Khả năng viết/ *Written:*

.....

3. Các chi tiết khác/*Other details*

(1) Phương thức trốn trên tàu, bao gồm cả những người liên quan (Ví dụ: Thủy thủ, công nhân cảng.v.v.) và cả người trốn trong hàng hóa/container hoặc ẩn ở trên tàu/*Method of boarding, including other persons involved (e.g. crew, port workers, etc.), and whether the Stowaway was secreted in cargo/container or hidden in the ship:*

- (2) Kiểm kê tài sản người trốn trên tàu/*Inventory of the Stowaway's possessions:*
(3) Tờ khai của người trốn trên tàu/*Statement made by the Stowaway:*
(4) Tờ khai của Thuyền trưởng (bao gồm cả những nhận xét về tính xác thực về những thông tin mà người trốn trên tàu khai)/*Statement made by the Master (including any observations on the credibility of the information provided by the Stowaway).*
Các ngày thực hiện phỏng vấn/*Date(s) of Interview (s):*

CHỮ KÝ
NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU
STOWAWAY'S
SIGNATURE

CHỮ KÝ
THUYỀN TRƯỞNG
MASTER'S
SIGNATURE

CHỮ KÝ ĐẠI LÝ
AGENT'S SIGNATURE

DATE:

DATE:

DATE:

2. Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia rời cảng thủy nội địa Việt Nam

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện rời cảng thủy nội địa, người làm thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia rời cảng thủy nội địa Việt Nam khai báo giấy tờ thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

- Cảng vụ kiểm tra các thông tin khai báo, tra cứu dữ liệu của phương tiện, thuyền viên trên cơ sở dữ liệu điện tử của các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết thủ tục cấp giấy phép rời cảng thủy nội địa cho phương tiện;

- Cảng vụ chỉ yêu cầu người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ trong trường hợp cơ sở dữ liệu không có dữ liệu của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện hoặc không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu hoặc không bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử và người làm thủ tục chỉ việc khai báo dữ liệu lần đầu về phương tiện, thuyền viên trên phần mềm điện tử (do người làm thủ tục lựa chọn). Cảng vụ làm thủ tục cuối cùng kiểm tra, đối chiếu dữ liệu khai báo với bản chính xuất trình để giải quyết thủ tục cho phương tiện rời cảng thủy nội địa Việt Nam hoặc khi có sự thay đổi. Cơ sở dữ liệu về thuyền viên, người lái phương tiện, phương tiện rời cảng thủy nội địa Việt Nam được lưu giữ trên phần mềm điện tử để làm cơ sở dữ liệu cho những lần làm thủ tục tiếp theo;

- Thời hạn nộp hoặc xuất trình các giấy tờ không có trong cơ sở dữ liệu: Chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện rời cảng và cửa khẩu. Đối với phương tiện chở khách có thể thực hiện ngay tại thời điểm phương tiện chuẩn bị rời cảng và cửa khẩu;

- Trách nhiệm làm thủ tục của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa

+ Cảng vụ có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

+ Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra các giấy tờ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

+ Bộ đội Biên phòng cửa khẩu chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra các chứng từ quy định tại các điểm a, b, c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định

cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

+ Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ, chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại các điểm d khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

+ Cơ quan kiểm dịch động vật có trách nhiệm kiểm tra các chứng từ quy định tại điểm a khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ, chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại các điểm đ khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

+ Cơ quan kiểm dịch y tế có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ, chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại các điểm e khoản 2 Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

- Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành các thủ tục khai báo điện tử và xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo quy định, trên cơ sở ý kiến phản hồi của các cơ quan liên quan, Cảng vụ cấp giấy phép cho phương tiện rời cảng thủy nội địa thông qua phần mềm điện tử;

- Trường hợp phương tiện đã được cấp giấy phép rời cảng thủy nội địa nhưng ra đến cửa khẩu, cơ quan chức năng tại cửa khẩu không cho phương tiện xuất cảnh thì phải trả lời cho chủ phương tiện biết và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo cho Cảng vụ cấp giấy phép rời cảng biết.

2.2. Cách thức thực hiện: Thực hiện theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải khai báo theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, gồm:

+ Thông báo phương tiện rời cùng thủy nội địa theo mẫu;

+ Danh sách thuyền viên, người lái phương tiện với đầy đủ chức danh;

+ Danh sách hành khách (đối với phương tiện chở hành khách);

+ Bản khai hàng hóa, hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển (đối với phương tiện chở hàng hóa).

- Các chứng từ phải xuất trình :

+ Giấy tờ xuất trình cho Cảng vụ: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện; giấy tờ xác nhận việc nộp phí, lệ phí quy định của pháp luật, trừ trường hợp thanh toán điện tử; giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện; giấy tờ liên quan tới những thay đổi so với giấy tờ khi làm thủ tục cho phương tiện vào cảng thủy nội địa;

+ Giấy tờ xuất trình cho Cơ quan Hải quan: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện;

+ Giấy tờ xuất trình cho Bộ đội Biên phòng cửa khẩu: Hộ chiếu và giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của thuyền viên, hành khách (nếu có);

+ Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch thực vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật);

+ Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch động vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật của nước xuất hàng (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật);

+ Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch y tế: Giấy chứng nhận tiêm chủng quốc gia của thuyền viên, người lái phương tiện, hành khách (trong trường hợp xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mắc bệnh hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành các thủ tục khai báo điện tử và xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cảng vụ Đường thủy nội địa.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ Đường thủy nội địa.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan hải quan, Bộ đội biên phòng, Cơ quan kiểm dịch thực vật, Cơ quan kiểm dịch động vật, Cơ quan kiểm dịch y tế.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép điện tử cho phương tiện rời cảng thủy nội địa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2.8. Phí, lệ phí: Theo phí, lệ phí quy định tại Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Thông báo phương tiện rời cảng thủy nội địa.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

Mẫu: THÔNG BÁO PHƯƠNG TIỆN RỜI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

THÔNG BÁO TÀU ĐẾN/RỜI CẢNG
NOTICE OF VESSEL ARRIVAL/DEPARTURE AT PORTS

| | | | |
|---|---|--|--|
| Tên và loại tàu: Name and type of ship | | Cầu, bến xin cập/rời Name of berth required | Thời gian dự kiến đến vùng đón trả hoa tiêu E.T.A at Pilot Stat |
| | | Thời gian dự kiến cập/rời cầu ETB/ETD | Tốc độ điều động hết máy Full manoeuvring speed |
| Quốc tịch tàu Flag State of ship | Tên thuyền trưởng Name of master | Cảng rời cuối cùng Last port of call | Cảng tới Nextport |
| Giấy chứng nhận đăng ký (số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Number, date of issue, and Port) | | Tên và địa chỉ của chủ tàu Name and address of the shipowners Tên và địa chỉ liên lạc của người khai thác tàu: Name and contact details of the ship operators | |
| Chiều dài lớn nhất Lenght over all (LOA) | Chiều rộng Breadth | Chiều cao tĩnh không Air draft | Mớn nước thực tế khi đến/rời Actual draft on arrival/departure Mũi(F).....Lái (A).... LuatVietnam .. |
| Tổng dung tích Gross tonnage (GT) | Trọng tải toàn phần Deadweight (DWT) | Đại lý của chủ tàu Name of shipowners/agents Địa chỉ: Tel: Fax: Đại lý viên: Mobi: | |
| Mục đích đến cảng Purpose of call | Tàu lai hỗ trợ Tug boat | Chân vịt ngang mũi/lái/công suất Bow/Stern thruster/Power | |
| Số lượng hàng hóa vận chuyển trên tàu:..... Loại hàng..... Quantity of cargoe on board Types of cargoe Hàng nhập:..... Hàng xuất:..... Hàng nhập nội địa:..... Hàng xuất nội địa:..... Import Export Domestic in Domestic out | | | |
| Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) | Số hành khách Number of passengers | Ghi chú: Remarks | |

| | | |
|--|--|--|
| Number of crew (incl. Master) | | |
| Những người khác trên tàu Other persom on board | | |

....., ngày...tháng...năm...

Date

ĐẠI LÝ HOẶC CHỦ TÀU

Agent of Master

3 Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Chủ đầu tư có nhu cầu thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa nộp hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (thỏa thuận về thông số kỹ thuật luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia) hoặc Sở Giao thông vận tải (thỏa thuận về thông số kỹ thuật luồng địa phương, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương) để thỏa thuận.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa gửi chủ đầu tư.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa theo mẫu;

- Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Hồ sơ thiết kế sơ bộ luồng đường thủy nội địa.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

3.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa.

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

**Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ THỎA THUẬN THÔNG SỐ KỸ THUẬT XÂY DỰNG
LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa... (1)

Kính gửi: (2)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số ngày ... tháng... năm ... tại...

Địa chỉ: Số điện thoại liên hệ **LuatVietnam**

..... Đề nghị... (2) xem xét, thỏa thuận thông số kỹ thuật luồng đường thủy nội địa... (1) với các thông tin dưới đây:

1. Sự cần thiết xây dựng luồng;
 2. Quy mô, lý trình, địa danh khu vực luồng;
 3. Các thông số kỹ thuật cơ bản của luồng: Bề rộng, chiều sâu chạy tàu, bán kính cong,... của luồng;
 4. Công trình hiện có trên luồng (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền);
 5. Loại luồng: (quốc gia, địa phương, chuyên dùng);
 6. Phân kỳ đầu tư;
 7. Thời gian khai thác (dự kiến);
 8. Nội dung khác (nếu có):
 9. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:
- Đề nghị(2)..... xem xét, trả lời./.

THỦ TRƯỞNG (4)

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên đường thủy nội địa.
- (2) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.
- (3) Tên tổ chức, cá nhân.
- (4) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân

4. Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền sau:

- Bộ Giao thông vận tải: đổi tên đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: đổi tên đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định;

- Sở Giao thông vận tải: đổi tên đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương và bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

4.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

4.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không.

4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị về việc đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu. [LuatVietnam](#)

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ VỀ VIỆC ĐỔI TÊN CẢNG, BẾN THỦY NỘI
ĐỊA, KHU NEO ĐẬU

CHỦ CẢNG, BẾN, KHU NEO ĐẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về việc đổi tên cảng (bến thủy nội địa, khu neo đậu)

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

(Tên chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu) quyết định đổi tên cảng (bến) thủy nội địa, khu neo đậu... (2) được công bố tại Quyết định số.../QĐ-... ngày...tháng...năm... của ... (1) thành cảng (bến, khu neo đậu) thủy nội địa... (3) kể từ ngày...tháng...năm...

Lý do đổi tên cảng (bến, khu neo đậu)

Đề nghị... (1) công bố lại hoạt động đối với cảng (bến, khu neo đậu) (3) về nội dung thay đổi tên cảng (bến, khu neo đậu).

CHỦ CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA,

KHU NEO ĐẬU

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan công bố hoạt động cảng, bến, khu neo đậu (hoặc cấp giấy phép hoạt động bến).

(2) Tên cảng (bến, khu neo đậu) đã được công bố.

(3) Tên cảng (bến, khu neo đậu) mới.

5. Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Chủ cảng, bến có nhu cầu gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền sau:

- Bộ Giao thông vận tải: gia hạn đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: gia hạn đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định;

- Sở Giao thông vận tải: gia hạn đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương và bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định.

- Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp: gia hạn bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Giải quyết TTHC:

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền bố hoạt động cảng, bến thủy nội địa có văn bản gia hạn hoạt động của cảng, bến thủy nội địa.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

5.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa;
- Giấy tờ liên quan đến đất xây dựng cảng, bến thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

5.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Giao thông vận tải; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp.

+ Gia hạn hoạt động bến thủy nội địa:

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Giao thông vận tải; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp.

- Cơ quan phối hợp: Không.

5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa

5.8. Phí, lệ phí: Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

6. Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Trước khi thực hiện nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa thì chủ bến thủy nội địa gửi văn bản đề nghị đến cơ quan sau để có ý kiến thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa:

- Bộ Giao thông vận tải: nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định;

- Sở Giao thông vận tải: nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời gian 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ bến thủy nội địa thì cơ quan có thẩm quyền ra văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa.

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

6.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị phải nêu rõ quy mô dự kiến nâng cấp; thời gian thực hiện cải tạo nâng cấp công trình; ảnh hưởng của việc cải tạo nâng cấp đến hoạt động của phương tiện trong vùng nước, phương tiện, thiết bị xếp dỡ hàng hóa và hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa; công trình liền kề.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

6.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ bến thủy nội địa cơ quan .

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không.

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa.

6.8. Phí, lệ phí: Không.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

7. Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Người quản lý khai thác bến thủy nội địa nộp hồ đến cơ quan có thẩm quyền sau:

- Bộ Giao thông vận tải: công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định;

- Sở Giao thông vận tải: công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định.

b) Giải quyết TTHC:

- Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

+ Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa;

- Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.

7.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

7.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa theo mẫu;

- Văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật của cấp có thẩm quyền về nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa;

- Bản vẽ hoàn công của bến thủy nội địa;

- Bản vẽ mặt bằng công trình, vùng đất, vùng nước của bến thủy nội địa;
- Hồ sơ kiểm tra tính toán thực tế bến thủy nội địa do đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân kiểm định thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:
 - + Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải;
 - + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa;
- Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ GTVT, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ GTVT, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan phối hợp: Không.

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.

7.8. Phí, lệ phí: Không.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị công bố chuyển bến thủy thành cảng thủy nội địa.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ CHUYỂN BẾN THỦY NỘI ĐỊA
THÀNH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số..... ngày..... tháng..... năm..... tại

.....

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:.....

1. Thông tin bến thủy nội địa (2):

a) Vị trí bến có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái)sông, kênh).

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn), huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

b) Bến đã được công bố hoạt động theo Quyết định số... ngày.../.../... của

c) Bến thuộc loại

d) Phạm vi vùng đất sử dụng

d) Tóm tắt quy mô về cơ sở hạ tầng (công trình cầu bến, kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác:)

e) Phạm vi vùng nước sử dụng có tọa độ

2. Nội dung đề nghị công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng

a) Phương tiện có mớn nước ...m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở..... hành khách.

b) Thời hạn hoạt động: Từ ngày đến ngày

c) Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố Hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.
- (2) Tên cảng (bến).
- (3) Hệ tọa độ VN 2000.

8. Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố đóng cảng, bến thủy nội địa nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền như sau:

- Bộ Giao thông vận tải: cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia,

- Sở Giao thông vận tải: cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định;

- Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp: bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Giải quyết TTHC: Kể từ ngày nhận được văn bản, đơn đề nghị của cơ quan, chủ cảng, bến thủy nội địa cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố đóng cảng, bến thủy nội địa.

8.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

8.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đóng cảng, bến thủy nội địa của chủ cảng, bến thủy nội địa.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

8.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Giao thông vận tải; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Giao thông vận tải; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp.

- Cơ quan phối hợp: Không.

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố đóng cảng, bến thủy nội địa.

8.8. Phí, lệ phí: Không.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

9. Thiết lập khu neo đậu

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu thiết lập khu neo đậu nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền sau:

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: thỏa thuận thiết lập khu neo đậu trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, khu neo đậu có vùng nước vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định;

- Sở Giao thông vận tải: thỏa thuận thiết lập khu neo đậu trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định;.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền ra văn bản thỏa thuận thiết lập khu neo đậu gửi cho chủ đầu tư.

9.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

9.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thỏa thuận thiết lập khu neo đậu theo mẫu;
 - Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền;
 - Bình đồ khu vực dự kiến thiết lập khu neo đậu: phải thể hiện phạm vi khu neo đậu, cao trình đáy, vị trí luồng, công trình liên kề (nếu có) trên hệ tọa độ quốc gia VN2000 và hệ cao độ nhà nước, tỷ lệ bản vẽ từ 1/500 đến 1/2.000.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

9.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không.

9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản thỏa thuận thiết lập khu neo đậu.

9.8. Phí, lệ phí: Không.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị thiết lập khu neo đậu.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ THIẾT LẬP KHU NEO ĐẬU**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Thỏa thuận thiết lập khu neo đậu**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày... tháng... năm... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị thiết lập khu neo đậu (2)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3)

Cách bờ (phải hay trái)sông, kênh; cách luồng chính

Thuộc địa phận: xã (phường) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Quy mô dự kiến xây dựng (4)

3. Thiết bị, phao neo đậu phương tiện:

4. Mục đích sử dụng

5. Phạm vi vùng nước sử dụng

6. Phương tiện, thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

7. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có trọng tải ... tấn hoặc món nước ... m; có sức chở ...hành khách.

8. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung văn bản thỏa thuận thiết lập khu neo đậu./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)*(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Tên khu neo đậu.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

(4) Số lượng phao neo và khoảng cách.

10. Công bố hoạt động khu neo đậu

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố hoạt động khu neo đậu nộp hồ sơ cơ quan có thẩm quyền sau:

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: công bố hoạt động khu neo đậu trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, khu neo đậu có vùng nước vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định);
- Sở Giao thông vận tải: công bố hoạt động khu neo đậu trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định).

b) Giải quyết TTHC: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố hoạt động khu neo đậu

10.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

10.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố hoạt động khu neo đậu theo mẫu;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng;
- Bình đồ khu vực khu neo đậu;
- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phao neo (nếu dùng phao neo);
- Biên bản nghiệm thu rà quét vật chướng ngại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

10.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải công bố hoạt động khu neo đậu trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không.

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố hoạt động khu neo đậu.

10.8. Phí, lệ phí: Không.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị công bố hoạt động khu neo đậu.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG KHU NEO ĐẬU

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công bố hoạt động khu neo đậu

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày... tháng... năm... tại.....

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố hoạt động khu neo đậu (2)

1. Vị trí khu neo đậu (3)

Cách bờ (phải hay trái)sông, kênh; cách luồng chính

Thuộc địa phận: xã (phường) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Mục đích sử dụng

3. Phạm vi vùng nước sử dụng

4. Thiết bị, phao neo đậu phương tiện:

5. Phương tiện, thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có trọng tải ... tấn hoặc món nước ... m; có sức chở ...hành khách.

7. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung văn bản thỏa thuận thiết lập khu neo đậu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.
- (2) Tên khu neo đậu.
- (3) Hệ tọa độ VN 2000.

11. Công bố đóng khu neo đậu

11.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố đóng khu neo đậu hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền sau:

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: công bố đóng khu neo đậu trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, khu neo đậu có vùng nước vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định;

- Sở Giao thông vận tải: công bố đóng khu neo đậu trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ đầu tư khu neo đậu, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố đóng khu neo đậu.

11.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

11.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu

- Biên bản hoàn thành thu hồi báo hiệu, thiết bị neo đậu; biên bản hoàn thành rà quét vật chướng ngại trong vùng nước khu neo đậu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

11.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản khảo sát hiện trường khu neo đậu hoặc đơn đề nghị của chủ đầu tư khu neo đậu, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố đóng khu neo đậu.

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

11.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không.

11.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố đóng khu neo đậu.

11.8. Phí, lệ phí: Không.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị công bố đóng khu neo đậu.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

*Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐÓNG KHU NEO ĐẬU***TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố đóng khu neo đậu**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày... tháng... năm... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố đóng khu neo đậu (2)

1. Vị trí khu neo đậu độ (3)

Cách bờ (phải hay trái) ...sông, kênh; cách luồng chính

Thuộc địa phận: xã (phường) huyện (quận)

tỉnh (thành phố)

2. Phạm vi vùng nước sử dụng

3. Lý do đóng khu neo đậu

4. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung văn bản thỏa thuận thiết lập khu neo đậu./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)*(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Tên khu neo đậu.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

12. Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa

12.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền sau:

- Chi cục đường thủy nội địa khu vực: thỏa thuận thiết lập báo hiệu đối với luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, công trình, khu vực hoạt động quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 trên đường thủy nội địa quốc gia và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia trừ báo hiệu được thiết lập tại cảng, bến thủy nội địa;

- Sở Giao thông vận tải: thỏa thuận thiết lập báo hiệu đối với luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương, công trình, khu vực hoạt động quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thỏa thuận thiết lập báo hiệu gửi chủ đầu tư

12.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

12.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thỏa thuận thiết lập báo hiệu theo mẫu.
- Sơ đồ dự kiến vị trí báo hiệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

12.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

12.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

12.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Chi cục Đường thủy nội địa khu vực; Sở Giao thông vận tải

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Đường thủy nội địa khu vực; Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không

12.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa.

12.8. Phí, lệ phí: Không

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ THỎA THUẬN THIẾT LẬP BÁO HIỆU ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

**TÊN TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày tháng... năm...tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị chấp thuận thiết lập báo với nội dung như sau:

1. Vị trí: (2)
2. Số lượng báo hiệu:
3. Loại báo hiệu:
4. Hệ thống khác (nếu có):
5. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Hệ tọa độ VN 2000 hoặc địa danh hành chính, lý trình sông, kênh.

13. Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

13.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài nộp hồ đến Cảng vụ Đường thủy nội địa.

b) Giải quyết TTHC: Cảng vụ Đường thủy nội địa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa.

13.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

13.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn nghị phê duyệt đánh giá an ninh theo mẫu;

- Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài do người quản lý khai thác cảng tổ chức thực hiện theo mẫu và có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng. Thành phần tham gia họp đánh giá an ninh gồm: cơ quan công an cấp huyện, Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng, Phòng Cảnh sát giao thông cấp tỉnh, Chi cục Hải Quan, Cảng vụ, Trung tâm Y tế dự phòng cấp huyện, cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp huyện, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 03 (ba) bộ hồ sơ.

13.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

13.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

13.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Cảng vụ Đường thủy nội địa.

- Cơ quan phối hợp: Cảng vụ Đường thủy nội địa.

13.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

13.8. Phí, lệ phí: 11.000.000 đồng/lần.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị phê duyệt đánh giá an ninh.

- Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

13.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT ĐÁNH GIÁ AN NINH

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài**

Kính gửi: - Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
 - Cảng vụ Đường thủy nội địa... (1)

Tên doanh nghiệp khai thác cảng:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Số fax:

Tên cảng: **LuatVietnam**.....

Vị trí:

Doanh nghiệp cảng chúng tôi đã hoàn thành việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo quy định của Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm... trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cảng vụ Đường thủy nội địa thẩm định và phê duyệt./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG
(Ký ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cảng vụ trực tiếp quản lý cảng.

**Mẫu: ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN
THỦY NƯỚC NGOÀI**

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN
THỦY NƯỚC NGOÀI
(Lần đầu)**

Tên cơ quan, bộ phận thực hiện:

Thời gian tổ chức đánh giá:

(Lưu ý: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa là tài liệu mật, nghiêm cấm việc sao chép, sử dụng, tiếp cận trái phép tài liệu này, trừ những người có trách nhiệm đối với công tác an ninh cảng thủy nội địa. Khi không sử dụng phải lưu giữ trong két bảo mật)

..., ngày ... tháng ... năm...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Lời nói đầu

I. Khái quát về cảng (1)

II. Cơ sở pháp lý đối với việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (2)

III. Phương án thực hiện đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (3)

IV. Các tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ (4)

V. Các mối đe dọa đối với cảng (5)

VI. Hậu quả của các sự cố an ninh (6)

VII. Các khuyến nghị

VIII. Các Phụ lục

Phụ lục 1: Sơ đồ cảng

Phụ lục 2: Danh mục các cầu, bến cảng

Phụ lục 3: Phân tích rủi ro đối với mối đe dọa, tình huống giả định áp vào một tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể, bao gồm các nội dung:

- Quan sát, khảo sát ngay tại vị trí tài sản, kết cấu hạ tầng được thiết lập để mô tả các đặc điểm, yếu tố của chúng dưới góc độ bảo đảm an ninh nếu tình huống giả định xảy ra. Cụ thể cần mô tả về:

+ Vị trí;

+ Vai trò, công dụng của tài sản, kết cấu hạ tầng và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động chung của cảng;

+ Loại, cấp cấu trúc của tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Các kết cấu liền kề hoặc tiếp giáp với của tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Hàng rào vòng ngoài;

+ Các lối, vị trí, nơi ra vào hoặc có thể tiếp cận tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Các hệ thống, biện pháp an ninh, bảo vệ hiện đang được vận hành; quy định ra vào, báo động, giám sát xâm nhập, chiếu sáng, camera kiểm soát tiếp cận, xâm nhập v.v...

- Nhận xét về các khiếm khuyết, điểm yếu đối với các vấn đề nêu trong các nội dung đã được mô tả, nhất là về: hàng rào; lối ra vào, tiếp cận; việc lưu thông, qua lại khu vực tài sản, kết cấu hạ tầng; quy định, cách thức kiểm tra, kiểm soát; báo động; ý thức cảnh giác của cán bộ, nhân viên và việc phổ biến, huấn luyện về an ninh v.v...

- Các biện pháp an ninh cần thiết lập, áp dụng khi các cấp độ an ninh cao hơn được thiết lập cho cảng thủy nội địa:

+ Cấp độ an ninh 2;

+ Cấp độ an ninh 3.

- Tính toán, lập Bảng kết quả phân tích rủi ro đối với các mối đe dọa tiềm ẩn, phù hợp với tình hình an ninh thực tế của cảng mình.

Ghi chú:

(1) Doanh nghiệp cảng tập hợp, thu thập thông tin về cảng thủy nội địa như sau:

a) Vị trí địa lý, diện tích và ranh giới tiếp giáp (vùng đất cảng, vùng nước trước cảng);

b) Vai trò của cảng đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh, khu vực hoặc quốc gia;

c) Số lượng và chủng loại hàng thông qua cảng;

d) Số lượt tàu đến cảng trong năm, loại tàu và quốc tịch tàu;

đ) Loại công trình cảng;

e) Các kết cấu hạ tầng của cảng;

g) Sơ đồ tổ chức, điều hành sản xuất, kinh doanh;

h) Các nội quy, quy định, quy trình hiện hành liên quan đến trật tự, trị an cảng;

(2) Nêu rõ việc thực hiện các quy định của Nghị định này.

(3) Nêu các nội dung: thành phần tham gia đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm những ai? Nội dung tập hợp thông tin về kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ và các vấn đề liên quan thực hiện trong bao lâu?

(4) tham khảo mục 15.7 phần B của Bộ luật An ninh tàu và bến cảng (Bộ luật ISPS) để xác định những tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể nào là quan trọng, cần bảo vệ.

(5) Xác định các mối đe dọa đối với cảng như trộm cắp, buôn lậu ma túy, di cư, vượt biên trái phép và lậu vé; trộm cắp có vũ trang đối với tàu biển; phá hoại; khủng bố và tham khảo mục 15.11 Phần B của Bộ luật ISPS để xác định các mối đe dọa, sự cố an ninh cụ thể có thể xảy ra đối với cảng của mình.

(6) nêu những hậu quả chung và hậu quả, ảnh hưởng hậu quả của các tình huống giả định.

ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

| STT | NỘI DUNG | ĐÁNH GIÁ | |
|----------|--|---|--------------------------------|
| I | Tổng quát | | |
| 1 | Tên cảng thủy nội địa | | |
| 2 | Doanh nghiệp cảng thủy nội địa | | |
| 3 | Tên của cán bộ an ninh cảng thủy nội địa | | |
| 4 | Số lượt tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua | | |
| 5 | Loại tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua | | |
| 6 | Thời gian kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt | | |
| 7 | Từ ngày được phê duyệt đến nay cảng có thay đổi lớn gì về kết cấu, trang thiết bị hay khai thác không? | <input type="checkbox"/> Có Chuyển đến Mục VI | <input type="checkbox"/> Không |
| 8 | Từ ngày được phê duyệt đến nay tại cảng có xảy ra sự cố an ninh nào không? | <input type="checkbox"/> Có Chuyển đến Mục VI | <input type="checkbox"/> Không |

| | | | |
|-----------|---|-------------------------------------|--------------------------------|
| II | Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm | | |
| 1 | Ban (bộ phận) an ninh cảng có được thành lập không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 2 | Ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có hợp định kỳ không? | <input type="checkbox"/> Có Chu kỳ: | <input type="checkbox"/> Không |
| 3 | Cán bộ an ninh có được chỉ định bằng văn bản không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 4 | Các thành viên trong ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có hiểu rõ trách nhiệm của mình không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 5 | Các nhân viên bảo vệ có hiểu rõ trách nhiệm của mình không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 6 | Các nhân viên khác trong cảng có hiểu rõ trách nhiệm của mình không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 7 | Cảng có thiết lập các quy trình nhằm bảo vệ các thông tin nhạy cảm về an ninh đường thủy nội địa, kể cả Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 8 | Cảng có thiết lập mối quan hệ với các cơ quan có liên quan đến an ninh đường thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 9 | Cảng có ký bản cam kết an ninh với tàu không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| II | Các biện pháp an ninh | | |
| 1 | Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa | | |
| 1.1 | Các biện pháp an ninh thủy nội địa đang áp dụng có kiểm soát được | | |
| | - Cán bộ, nhân viên tiếp cận cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Công nhân tiếp cận cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Khách tiếp cận cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |

| | | | |
|----------|--|-----------------------------|--------------------------------|
| | - Thuyền viên tiếp cận cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Những người khác tiếp cận cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Xe máy, xe đạp tiếp cận cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Xe ô tô chở (người, khách) tiếp cận cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Xe ô tô tải tiếp cận cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Phương tiện thủy tiếp cận cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 1.2 | Cảng có xây dựng một hệ thống nhận dạng người và phương tiện ra vào cảng không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 1.3 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 1.4 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 2 | Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát các khu vực hạn chế trong cảng | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 2.1 | Các khu vực hạn chế trong cảng có được chỉ báo rõ ràng hay không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 2.2 | Các biện pháp an ninh hiện đang áp dụng có kiểm soát được: | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Cán bộ, nhân viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Công nhân tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Khách tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |

| | | | |
|----------|---|--|--|
| | - Thuyền viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Những người khác tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Xe máy, xe đạp tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Xe ô tô con tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Xe ô tô tải tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | - Tàu có tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 2.3 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 2.4 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 3 | Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa | | |
| 3.1 | Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng hóa để bảo đảm chỉ những hàng hóa đúng chủng loại mới được cho vào cảng và kho hay không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 3.2 | Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển hàng hóa để bảo đảm những người này được phép chở hàng hóa vào cảng không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 3.3 | Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng hóa, kể cả việc kiểm tra niêm phong khi hàng hóa được đưa vào cảng, khi hàng hóa xếp trong cảng? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 3.4 | Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng vào cảng không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 3.5 | Thực hiện kiểm tra hàng hóa nhằm tránh xáo trộn hàng hóa bằng: | <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không |

| | | | |
|----------|--|---|--|
| | A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 3.6 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 3.7 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 4 | Các biện pháp an ninh đối với giao, nhận hàng cung ứng cho tàu | | |
| 4.1 | Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng cung ứng để bảo đảm chỉ những mặt hàng đúng chủng loại mới được cho vào cảng để đưa lên tàu không? | <input type="checkbox"/> Có chu kỳ; | <input type="checkbox"/> Không |
| 4.2 | Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển để bảo đảm những người này được phép chở hàng cung ứng vào cảng không? | <input type="checkbox"/> Có chu kỳ; | <input type="checkbox"/> Không |
| 4.3 | Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng cung ứng, kể cả việc kiểm tra chi tiết hàng cung ứng trước khi cho phép đưa vào cảng không? | <input type="checkbox"/> Có chu kỳ; | <input type="checkbox"/> Không |
| 4.4 | Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng cung ứng vào cảng không? | <input type="checkbox"/> Có chu kỳ; | <input type="checkbox"/> Không |
| 4.5 | Thực hiện kiểm tra hàng cung ứng bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét | <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không |
| 4.6 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 4.7 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |

| | | | |
|----------|--|-------------------------------------|--------------------------------|
| 5 | Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi | | |
| 5.1 | Hành lý gửi có được đánh số, đeo thẻ và để ở những vị trí được bảo vệ thích hợp hay không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 5.2 | Có thường xuyên kiểm tra hành lý gửi không? | <input type="checkbox"/> Có chu kỳ; | <input type="checkbox"/> Không |
| 5.3 | Thực hiện kiểm tra hành lý gửi bằng: | | |
| | A. Mắt | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | B. Bằng tay | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | C. Các thiết bị dò, quét | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 5.4 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 5.5 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 6 | Các biện pháp an ninh đối với Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa | | |
| 6.1 | Lực lượng bảo vệ được bố trí tại các vị trí đã nêu trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 6.2 | Lực lượng tuần tra các khu vực trong cảng thủy nội địa thực hiện việc tuần tra bằng: | | |
| | A. Đi bộ | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | B. Xe đạp, xe máy | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| | C. Ca nô | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 6.3 | Có sử dụng camera để giám sát các khu vực nhạy cảm trong cảng thủy nội địa không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 6.4 | Có các biện pháp để bảo đảm hệ thống chiếu sáng, hệ thống an ninh khác được cung cấp điện liên tục không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 6.5 | Hệ thống chiếu sáng của cảng có bảo đảm đủ sáng để nhận dạng được người, phương tiện | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |

| | | | |
|-----------|---|---------------------------------------|--------------------------------|
| | tối gần các điểm tiếp cận, hàng rào, các khu vực hạn chế và tàu, khi trời tối hay khi tầm nhìn xa bị hạn chế hay không? | | |
| 6.6 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 6.7 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| IV | Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp | | |
| 1 | Có thường xuyên liên hệ với các cơ quan có liên quan không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 2 | Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch sơ tán sau các đợt thực tập, diễn tập không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 3 | Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi phát hiện vũ khí/thuốc nổ/vật khả nghi trong cảng sau các đợt thực tập, diễn tập không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 4 | Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi hệ thống chiếu sáng bị mất sau các đợt thực tập, diễn tập không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 5 | Có cần cập nhật, bổ sung Kế hoạch phòng cháy chữa cháy sau các đợt thực tập, diễn tập không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 6 | Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu sau các đợt thực tập, diễn tập không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| V | Huấn luyện, thực tập và diễn tập | | |
| 1 | Có tổ chức huấn luyện cho ban (bộ phận) an ninh cảng biển không? | <input type="checkbox"/> Có Biên bản; | <input type="checkbox"/> Không |
| 2 | Có tổ chức huấn luyện cho lực lượng bảo vệ cảng không? | <input type="checkbox"/> Có Biên bản; | <input type="checkbox"/> Không |
| 3 | Có tổ chức huấn luyện cho các cán bộ, công nhân viên trong cảng không? | <input type="checkbox"/> Có Biên bản; | <input type="checkbox"/> Không |

| | | | |
|------------|---|---------------------------------------|---|
| 4 | Có tổ chức các đợt thực tập theo kế hoạch không? | <input type="checkbox"/> Có Biên bản; | <input type="checkbox"/> Không |
| 5 | Có tổ chức đợt diễn tập theo kế hoạch không? | <input type="checkbox"/> Có Biên bản; | <input type="checkbox"/> Không |
| VI | Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa bổ sung | | |
| 1 | Có tiến hành đánh giá an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không cần tiến hành ngay |
| 2 | Có tiến hành lập Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không cần tiến hành ngay |
| VII | Các khuyến nghị bổ sung, sửa đổi kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa | | |
| 1 | Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm | | |
| 2 | Các biện pháp an ninh | <u>LuatVietnam</u> | |
| 2.1 | Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa | | |
| 2.2 | Các biện pháp an ninh đối với các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa | | |
| 2.3 | Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa | | |
| 2.4 | Các biện pháp an ninh đối với giao nhận hàng cung ứng cho tàu | | |
| 2.5 | Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi | | |
| 2.6 | Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát an ninh cảng thủy nội địa | | |
| 3 | Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp | | |
| 4 | Huấn luyện, thực tập và diễn tập | | |

**TRƯỞNG BAN (BỘ PHẬN) AN NINH
CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**
(Ký tên)

....., ngày...tháng...năm...
GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH RỦI RO

| | | ĐỐI VỚI TÌNH HÌNH HIỆN TẠI | | | | | SAU KHI ĐÃ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP AN NINH | | | | | |
|---------------------------------------|-------------------------|----------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------|----------------------------------|--|---------------------------|--------------------------|-----------|----------------------|--|
| Cơ sở hạ tầng và hoạt động quan trọng | Xác định các mối đe dọa | Điểm hậu quả | Điểm khả năng tồn tại | | | Cấp, biện pháp xử lý cần áp dụng | Điểm hậu quả | Điểm khả năng tồn tại | | | Cấp, biện pháp xử lý | |
| | | | Đối với khả năng xâm nhập | Đối với an ninh tiếp cận | Tổng điểm | | | Đối với khả năng xâm nhập | Đối với an ninh tiếp cận | Tổng điểm | | |
| | Mối đe dọa chính 1 | - Tình huống cụ thể 1 | | | | | | | | | | |
| | | - Tình huống cụ thể 2 | | | | | | | | | | |
| | | - ... | | | | | | | | | | |
| | Mối đe dọa chính 2 | - Tình huống cụ thể 1 | | | | | | | | | | |
| | | - Tình huống cụ thể 2 | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Các mối đe dọa, tình huống giả định thường là: tấn công từ xa, đánh bom từ bên ngoài; xâm nhập trái phép; đưa vũ khí vào cảng, lên tàu; chiếm quyền kiểm soát; bắt, khống chế nhân viên; phá hoại; tấn công nhân viên, trộm, cắp tài sản.

14. Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

14.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài nộp hồ sơ đến Cảng vụ Đường thủy nội địa

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

14.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

14.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo mẫu;

- Bản đánh giá an ninh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Kế hoạch an ninh.

b) Số lượng hồ sơ: 03 (ba) bộ hồ sơ.

14.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

14.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

14.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực.

- Cơ quan phối hợp: Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực.

14.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận phê duyệt kế hoạch an ninh và giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

14.8. Phí, lệ phí: 14.000.000 đồng/lần.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

14.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH AN NINH VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN AN PHÙ HỢP AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Kính gửi: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Số fax:

Tên cảng:

Vị trí:

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Doanh nghiệp cảng chúng tôi đã hoàn thành việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và đã được Cảng vụ Đường thủy nội địa thẩm định, phê duyệt. Trên cơ sở bản đánh giá an ninh, chúng tôi đã xây dựng hoàn thiện kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định. Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa gồm trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cấp Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG
(Ký ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

15. Xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

15.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài nộp hồ sơ đến Cảng vụ Đường thủy nội địa.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phê duyệt xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa.

15.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

15.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo mẫu;

- Bản đánh giá an ninh phải có ý kiến của các cơ quan: cơ quan công an cấp huyện, Đoàn Biên phòng cửa khẩu cảng, Phòng Cảnh sát giao thông cấp tỉnh, Chi cục Hải Quan, Cảng vụ, Trung tâm Y tế dự phòng cấp huyện, cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp huyện, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

- Biên bản các buổi tập huấn hoặc diễn tập hoặc huấn luyện theo chương trình Kế hoạch an ninh được phê duyệt;

- Bản chính giấy chứng nhận phù hợp an ninh (để xác nhận vào trang sau của giấy chứng nhận).

b) Số lượng hồ sơ: 03 (ba) bộ hồ sơ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

15.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

15.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Cảng vụ Đường thủy nội địa.

- Cơ quan phối hợp: Cảng vụ Đường thủy nội địa.

15.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

15.8. Phí, lệ phí: Bằng 20% mức thu của các mục mức thu thủ tục Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài và thủ tục Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tương ứng.

15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

15.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HÀNG NĂM GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Kính gửi: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Số fax:

Tên cảng:

Vị trí:

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Doanh nghiệp cảng chúng tôi trong năm qua đã tuân thủ thực hiện các vụ trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Chúng tôi (thành viên đánh giá lại an ninh cảng thủy nội địa có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng theo quy định. Bản đánh giá cảng thủy nội địa gồm.... trang, kể cả các Phụ lục. Đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài cho chúng tôi./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG
(Ký ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

16. Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ

16.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ nộp hồ sơ đến Cảng vụ Đường thủy nội địa.

b) Giải quyết TTHC:

- Trước khi phương tiện, thủy phi cơ vào cảng, bến thủy nội địa, người làm thủ tục thông báo về phương tiện (số đăng ký), thời gian sẽ vào, rời cảng, bến thủy nội địa và loại hàng hóa hoặc số lượng hành khách cho Cảng vụ biết. Thông báo bằng tin nhắn, điện thoại hoặc hình thức khác. Thuyền trưởng, người lái phương tiện chỉ được đưa phương tiện, thủy phi cơ vào cảng, bến thủy nội địa khi có đồng ý của Cảng vụ. Thời gian thông báo như sau:

+ Trước 02 giờ đối với phương tiện vận tải hàng hóa;

+ Trước 01 giờ đối với phương tiện vận tải hành khách, thủy phi cơ.

- Cảng vụ ĐTNĐ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý trong thời gian 30 phút, kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, trừ tàu biển và phương tiện thủy nước ngoài.

16.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp, trình giấy tờ trực tiếp tại Cảng vụ;

- Thủ tục điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải (phương tiện, tàu biển vận tải nội địa, thủy phi cơ);

- Thủ tục điện tử áp dụng cơ chế một cửa quốc gia (phương tiện, tàu biển xuất, nhập cảnh, phương tiện thủy nước ngoài);

- Thủ tục điện tử thông qua Cơ chế một cửa Asean;

- Hình thức khác theo quy định của pháp luật.

16.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp:

+ Giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa, trừ trường hợp làm thủ tục điện tử;

+ Danh sách hành khách (đối với phương tiện vận tải hành khách).

- Giấy tờ phải xuất trình bản chính:

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, thủy phi cơ (hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng trường hợp phương tiện đang cầm cố, thế chấp);

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện;

+ Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện;

- + Sổ danh bạ thuyền viên (nếu có);
- + Hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển hàng hóa;
- + Bảo hiểm trách nhiệm dân sự (đối với phương tiện thuộc diện bắt buộc phải có bảo hiểm trách nhiệm dân sự);
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay đối với thủy phi cơ;
- + Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, phương án vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng (trường hợp phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm, hàng hóa siêu trường, siêu trọng);

- Người làm thủ tục không phải xuất trình trong trường hợp các giấy tờ trên đã lưu trên cơ sở dữ liệu điện tử.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

16.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 30 phút, kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, trừ tàu biển và phương tiện thủy nước ngoài.

16.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

16.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cảng vụ Đường thủy nội địa.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ Đường thủy nội địa.
- Cơ quan phối hợp: Không.

16.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ.

16.8. Phí, lệ phí: Theo phí, lệ phí quy định tại Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

16.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

17. Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ

17.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ nộp hồ sơ đến Cảng vụ Đường thủy nội địa.

b) Giải quyết TTHC:

- Trước khi phương tiện, thủy phi cơ rời cảng, bến thủy nội địa, người làm thủ tục thông báo về phương tiện (số đăng ký), thời gian sẽ rời cảng, bến thủy nội địa và loại hàng hóa hoặc số lượng hành khách cho Cảng vụ biết. Thông báo bằng tin nhắn, điện thoại hoặc hình thức khác. Thuyền trưởng, người lái phương tiện chỉ được đưa phương tiện, thủy phi cơ rời cảng, bến thủy nội địa khi có đồng ý của Cảng vụ. Thời gian thông báo như sau:

+ Trước 02 giờ đối với phương tiện vận tải hàng hóa;

+ Trước 01 giờ đối với phương tiện vận tải hành khách, thủy phi cơ.

- Cảng vụ ĐTNĐ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý trong thời gian 30 phút, kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, trừ tàu biển và phương tiện thủy nước ngoài.

17.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp, trình giấy tờ trực tiếp tại Cảng vụ;

- Thủ tục điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải (phương tiện, tàu biển vận tải nội địa, thủy phi cơ);

- Thủ tục điện tử áp dụng cơ chế một cửa quốc gia (phương tiện, tàu biển xuất, nhập cảnh, phương tiện thủy nước ngoài);

- Thủ tục điện tử thông qua Cơ chế một cửa Asean;

- Hình thức khác theo quy định của pháp luật.

17.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp: Danh sách hành khách (đối với phương tiện vận tải hành khách);

- Giấy tờ phải xuất trình:

+ Hợp đồng vận chuyển hoặc giấy vận chuyển hoặc phiếu xuất hàng hóa;

+ Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện nếu có thay đổi so với khi phương tiện vào cảng, bến thủy nội địa;

- Đối với phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa khi hạ thủy để hoạt động, chủ phương tiện hoặc chủ cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện phải xuất trình cho Cảng vụ các giấy tờ sau:

+ Biên bản kiểm tra xác nhận phương tiện đủ điều kiện để hoạt động của Cơ quan Đăng kiểm.

+ Phương án bảo đảm an toàn giao thông khi hạ thủy phương tiện do chủ cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phương tiện lập.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

17.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 30 phút, kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, trừ tàu biển và phương tiện thủy nước ngoài.

17.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

17.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cảng vụ Đường thủy nội địa.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ Đường thủy nội địa.

- Cơ quan phối hợp: Không.

17.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ.

17.8. Phí, lệ phí: Theo phí, lệ phí quy định tại Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

17.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

18. Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa

18.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người khai thác quản lý bến có nhu cầu công bố lại hoạt động bến thủy nội địa nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố lại hoạt động bến thủy nội địa;

- Trường hợp thay đổi chủ bến thì chủ mới của bến phải đề nghị công bố lại hoạt động bến thủy nội địa trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận bến thủy nội địa.

18.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

18.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa theo mẫu;

- Hồ sơ đối với phần thay đổi kết cấu công trình của bến thủy nội địa:

+ Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bến thủy nội địa;

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng, mặt cắt ngang công trình đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng;

+ Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm cầu bến hoặc bến phao).

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi vùng đất, vùng nước (đối với trường hợp Thay đổi vùng đất, vùng nước của bến thủy nội địa);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bản chứng minh việc thay đổi chủ cảng, bến (đối với trường hợp Thay đổi chủ bến thủy nội địa.).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

18.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

18.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

18.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không.

18.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố lại hoạt động bên
thủy nội địa. 

18.8. Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần.

18.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị công bố lại hoạt
động bên thủy nội địa.

18.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

18.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt
động đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định
mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội
địa và đường sắt.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công bố (công bố lại) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng năm ... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố lại hoạt động cảng (bến) thủy nội địa (2)

Nội dung đề nghị công bố lại:

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái)sông, kênh).

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn), huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Thời hạn hoạt động: từ ngày...tháng... năm...đến ngày...tháng...năm...

3. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố Hoạt động cảng (bến).

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

19. Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa

19.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Người khai thác quản lý cảng phải đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa (trường hợp: thay đổi quy mô, công năng của cảng thủy nội địa; Thay đổi vùng đất, vùng nước của cảng thủy nội địa; Thay đổi chủ cảng thủy nội địa.) nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền sau:

- Bộ Giao thông vận tải: công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định;

- Sở Giao thông vận tải: công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trừ trường hợp, thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định.

- Trường hợp thay đổi chủ cảng thì chủ mới của cảng phải đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận cảng, bến thủy nội địa.

b) Giải quyết TTHC:

- Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

- + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

- + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và báo cáo thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa.

19.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

19.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa theo mẫu;

- Hồ sơ sau đối với phần thay đổi kết cấu công trình của cảng thủy nội địa:

+ Bản sao quyết định phê duyệt dự án hoặc thiết kế kỹ thuật công trình cảng thủy nội địa;

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng và mặt cắt ngang công trình cảng thủy nội địa;

+ Biên bản nghiệm thu kết quả rà tìm vật chướng ngại trong vùng nước cảng; biên bản xác nhận thiết lập báo hiệu tại cảng;

+ Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của pông-tông, phao neo thuộc đối tượng phải đăng kiểm (nếu sử dụng pông-tông làm cầu cảng);

+ Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi vùng đất, vùng nước (đối với trường hợp thay đổi vùng đất, vùng nước của cảng thủy nội địa);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bản chứng minh việc thay đổi chủ cảng, bến (đối với trường hợp thay đổi chủ cảng thủy nội địa).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

19.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và báo cáo thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa.

19.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

19.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Giao thông vận tải; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Giao thông vận tải; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không.

19.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa.

19.8. Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần.

19.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa.

19.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

19.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI HOẠT ĐỘNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công bố (công bố lại) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng năm ... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố lại hoạt động cảng (bến) thủy nội địa (2)

Nội dung đề nghị công bố lại:

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái)sông, kênh).

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn), huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Thời hạn hoạt động: từ ngày...tháng... năm...đến ngày...tháng...năm...

3. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố Hoạt động cảng (bến).

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

20. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa

20.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Chủ đầu tư có nhu cầu thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải, đối với bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, trước khi có văn bản thỏa thuận, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của Chi cục đường thủy nội địa khu vực.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Chi cục đường thủy nội địa khu vực có văn bản trả lời;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải có văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư;

- Trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển, trước khi thẩm định, thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của Cảng vụ hàng hải bằng văn bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cảng vụ hàng hải có văn bản trả lời.

20.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

20.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa theo mẫu;

- Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Sơ đồ mặt bằng vị trí dự kiến xây dựng bến thủy nội địa: Thể hiện địa danh, vị trí công trình, vùng đất, vùng nước trước bến thủy nội địa, lý trình (km) sông, kênh, rạch và các công trình liên kề (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

20.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Chi cục đường thủy nội địa khu vực có văn bản trả lời;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải có văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư;

- Trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển, trước khi thẩm định, thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của Cảng vụ hàng hải bằng văn bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cảng vụ hàng hải có văn bản trả lời.

20.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

20.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Chi cục Đường thủy nội địa khu vực; Cảng vụ hàng hải.

20.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến.

20.8. Phí, lệ phí: Không.

20.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị thỏa thuận xây dựng bến thủy nội địa.

20.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

20.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ THỎA THUẬN XÂY DỰNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng, bến thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng năm ... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng cảng, bến thủy nội địa (tên cảng, bến thủy nội địa)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3).....

Từ km thứ đến km thứ **LuatVietnam**

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

2. Quy mô dự kiến (số cầu cảng, bến; kết cấu, cao trình mặt cầu cảng, bến).

3. Mục đích sử dụng

4. Phạm vi vùng đất sử dụng

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ...m; có sức chở... hành khách.

6. Phạm vi vùng nước sử dụng: (chiều dài dọc theo bờ sông, kênh ...m, chiều rộng từ mép ngoài cầu cảng, bến...m);

7. Thời gian thực hiện:

8. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản thỏa thuận xây dựng, (thiết lập) cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Đối với bến thủy nội địa tạm thời không phải ghi nội dung này.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

21. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính

21.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Chủ đầu tư có nhu cầu thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện.

b) Giải quyết TTHC: Sở Giao thông vận tải được phân cấp thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

21.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

21.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thỏa thuận xây dựng bến thủy nội địa theo mẫu;
- Bản vẽ mặt bằng vị trí dự kiến xây dựng bến thủy nội địa: Thể hiện địa danh, vị trí công trình lân cận, vùng đất, vùng nước trước bến, lý trình (km) sông, kênh, rạch.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

21.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

21.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

21.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện được phân cấp.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện.

- Cơ quan phối hợp: Không.

21.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến.

21.8. Phí, lệ phí: Không.

21.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính

21.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

21.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

**Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ THỎA THUẬN THÔNG SỐ KỸ THUẬT XÂY DỰNG
BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng, bến thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng năm ... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng cảng, bến thủy nội địa (tên cảng, bến thủy nội địa)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3).....

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

2. Quy mô dự kiến (số cầu cảng, bến; kết cấu, cao trình mặt cầu cảng, bến).

3. Mục đích sử dụng

4. Phạm vi vùng đất sử dụng

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ...m; có sức chở... hành khách.

6. Phạm vi vùng nước sử dụng: (chiều dài dọc theo bờ sông, kênh ...m, chiều rộng từ mép ngoài cầu cảng, bến...m);

7. Thời gian thực hiện:

8. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản thỏa thuận xây dựng, (thiết lập) cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Đối với bến thủy nội địa tạm thời không phải ghi nội dung này.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

22. Công bố hoạt động bến thủy nội địa

22.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố hoạt động bến thủy nội địa nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa.

22.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

22.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu;
- Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bến thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng;
- Bản sao có chứng thực giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến thủy nội địa hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp là bến phao;
- Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bến thủy nội địa;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng, mặt cắt ngang công trình đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng;
- Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm cầu bến hoặc bến phao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

22.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

22.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

22.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.
 - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không.

22.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa.

22.8. Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần.

22.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa.

22.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

22.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ BẾN THỦY NỘI ĐỊA**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố hoạt động cảng (bến) thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày...tháng...năm... tại ...

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ **LuatVietnam**

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)*(Ký tên và đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố

23. Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính

23.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Trước khi đưa bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính vào khai thác, chủ bến nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện được phân cấp.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.

23.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

23.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn nghị công bố hoạt động theo mẫu;
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (nếu có), bản sao có chứng thực giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến (đối với bến khách ngang sông); bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm bến).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

23.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

23.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ bến

23.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện.

- Cơ quan phối hợp: Không.

23.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.

23.8. Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần.

23.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính

23.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

23.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA PHỤC VỤ THI CÔNG CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công bố hoạt động cảng (bến) thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng ... năm tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày...tháng...năm... đến ngày ...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

24. Công bố hoạt động cảng thủy nội địa

24.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Trước khi đưa công trình cảng thủy nội địa vào khai thác, chủ cảng nộp hồ đến cơ quan có thẩm quyền như sau:

- Bộ Giao thông vận tải: công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: công bố hoạt động cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định;

- Sở Giao thông vận tải: công bố hoạt động cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trừ trường hợp, thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định.

b) Giải quyết TTHC:

- Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

- + Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

- + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa;

- Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.

24.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

24.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu văn bản phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng cảng thủy nội địa do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao quyết định phê duyệt dự án hoặc thiết kế kỹ thuật công trình cảng thủy nội địa;

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng và mặt cắt ngang công trình cảng thủy nội địa;
- Biên bản nghiệm thu kết quả rà tìm vật chướng ngại trong vùng nước cảng; biên bản xác nhận thiết lập báo hiệu tại cảng;
- Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của pông-tông, phao neo thuộc đối tượng phải đăng kiểm (nếu sử dụng pông-tông làm cầu cảng);
- Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền theo quy định;
- Bản sao giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài);
- Bản sao quyết định công bố mở luồng chuyên dùng của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) đối với trường hợp cảng thủy nội địa có luồng chuyên dùng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

24.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.

24.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

24.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Giao thông vận tải; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Giao thông vận tải; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không.

24.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.

24.8. Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần.

24.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa.

24.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

24.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố hoạt động cảng (bến) thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày...tháng...năm...tại....

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến)

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)*(Ký tên và đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

25. Công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tại cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động

25.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Chủ cảng có nhu cầu công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tại cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động gửi hồ sơ đến Bộ Giao thông vận tải:

Bước 1: Gửi văn bản báo cáo đến Bộ Giao thông vận tải đề nghị chấp thuận cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

Bước 2: Sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải, chủ cảng gửi hồ sơ đến Bộ Giao thông vận tải đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

b) Giải quyết TTHC:

Bước 1: Chấp thuận cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của chủ cảng, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải;

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài gửi chủ cảng.

Bước 2: Công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ cảng, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

25.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

25.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ chấp thuận cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Văn bản báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

- Hồ sơ công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

+ Đơn đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu;

+ Bản sao giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài).

b) Số lượng hồ sơ:

- Chấp thuận cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 01 (một) bộ hồ sơ;

- Công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 01 (một) bộ hồ sơ.

25.4. Thời hạn giải quyết:

- Chấp thuận cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của chủ cảng, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải;

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài gửi chủ cảng.

- Công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ cảng, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

25.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

25.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Giao thông vận tải.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

25.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

25.8. Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần.

25.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa

25.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

25.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố hoạt động cảng (bến) thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày...tháng...năm...tại....

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến)

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)*(Ký tên và đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

26. Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

26.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cảng thủy nội địa đã được công bố tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài nhưng chủ cảng không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền sau:

Bước 1: Chủ cảng gửi văn bản (nêu rõ lý do) đến Bộ Giao thông vận tải đề nghị chấp thuận cảng thủy nội địa trường hợp không có nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

Bước 2: Sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải, chủ cảng gửi gửi hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: công bố cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia;

+ Sở Giao thông vận tải: công bố cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương.

b) Giải quyết TTHC:

Bước 1: Chấp thuận hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không có nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ cảng, Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận gửi chủ cảng.

Bước 2: Công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn của chủ cảng, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài gửi chủ cảng đồng thời gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để theo dõi.

26.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

26.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ chấp thuận hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không có nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Văn bản (nêu rõ lý do) gửi Bộ Giao thông vận tải;

- Hồ sơ công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Đơn đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ:

- Chấp thuận hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 01 (một) bộ hồ sơ;

- Công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 01 (một) bộ hồ sơ.

26.4. Thời hạn giải quyết:

- Chấp thuận hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ cảng, Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận gửi chủ cảng;

- Công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn của chủ cảng, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài gửi chủ cảng đồng thời gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để theo dõi.

26.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

26.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Giao thông vận tải; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không.

26.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

26.8. Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần.

26.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa.

26.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

26.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố hoạt động cảng (bến) thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày...tháng...năm...tại....

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến)

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)*(Ký tên và đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

27. Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương

27.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia) hoặc Sở Giao thông vận tải (đối với luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương)

b) Giải quyết TTHC:

- Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố mở luồng

- Công bố luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố mở luồng.

27.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

27.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố mở luồng đường thủy nội địa theo mẫu.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng, bản vẽ hoàn công công trình luồng, hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa đối với luồng có dự án đầu tư xây dựng mới hoặc luồng được cải tạo, nâng cấp;

- Bình đồ hiện trạng luồng đề nghị công bố thể hiện địa danh, lý trình, vị trí báo hiệu, các công trình hiện có trên luồng đối với luồng không có dự án đầu tư xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

27.4. Thời hạn giải quyết:

- Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố mở luồng

- Công bố luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố mở luồng.

27.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

27.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không

27.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố mở luồng đường thủy nội địa

27.8. Phí, lệ phí: Không.

27.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị công bố mở luồng đường thủy nội địa.

27.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

27.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ MỞ LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về công bố mở luồng đường thủy nội địa ... (1)

Kính gửi:(2)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày... tháng... năm... tại...

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị ...(2).... xem xét công bố mở luồng... (1), với nội dung sau:

1. Chiều dài luồng đường thủy nội địa...km.
 2. Điểm khởi đầu, điểm kết thúc luồng (3) hoặc địa danh điểm khởi đầu, điểm kết thúc:
.....
 3. Cấp kỹ thuật của luồng đường thủy nội địa:
 - a) Bề rộng luồng:
 - b) Chiều sâu nhỏ nhất:
 - c) Bán kính cong nhỏ nhất:
 4. Công trình hiện có trên luồng (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền):
 5. Loại luồng (quốc gia, địa phương, chuyên dùng):
 6. Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác trên luồng đường thủy nội địa:
 7. Các nội dung khác
 8. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:
- Đề nghị(2)..... xem xét, giải quyết./.

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên đường thủy nội địa đề nghị công bố.
- (2) Tên cơ quan có thẩm quyền công bố mở luồng.
- (3) Hệ tọa độ VN 2000.

28. Công bố đóng luồng đường thủy nội địa chuyên dùng khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng

28.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, cá nhân có luồng không có nhu cầu khai thác, sử dụng nộp hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia) hoặc Sở Giao thông vận tải (đối với luồng địa phương, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương).

b) Giải quyết TTHC:

- Thủ tục đóng luồng chuyên dùng :

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.

28.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

28.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố đóng luồng đường thủy nội địa theo mẫu.

- Phương án thu hồi báo hiệu đường thủy nội địa do cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý luồng lập.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

28.4. Thời hạn giải quyết:

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.

28.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

28.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp:

28.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố đóng luồng.

28.8. Phí, lệ phí: Chi phí liên quan khi đóng luồng chuyên dùng do tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng chi trả, trừ trường hợp đóng luồng vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh do cơ quan đề nghị đóng luồng chi trả.

28.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị công bố đóng luồng đường thủy nội địa.

28.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

28.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐÓNG LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công bố đóng luồng đường thủy nội địa ... (1)

Kính gửi:(2)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ.....;

Đề nghị... (2) xem xét công bố đóng luồng... (1), với nội dung sau:

1. Lý do của việc đóng luồng đường thủy nội địa:
2. Chiều dài luồng đường thủy nội địa:... km
3. Tọa độ khởi đầu; kết thúc luồng... (3)
4. Địa danh điểm khởi đầu; điểm kết thúc luồng:
5. Thời gian bắt đầu đóng luồng đường thủy nội địa:
6. Các nội dung khác:

Đề nghị... (2) xem xét, công bố đóng luồng đường thủy nội địa..... (1).

7. Hồ sơ gửi kèm:

Đề nghị(2)..... xem xét, giải quyết./.

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên đường thủy nội địa.
- (2) Cơ quan công bố đóng luồng.
- (3) Hệ tọa độ VN 2000.

29. Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng

29.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng gửi đơn đề nghị công bố thông báo luồng đến cơ quan có thẩm quyền sau:

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: thông báo lần đầu luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia;

- Chi cục đường thủy nội địa khu vực: thông báo định kỳ, thường xuyên, và đột xuất luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia;

- Sở Giao thông vận tải: thông báo lần đầu, định kỳ, thường xuyên và đột xuất luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng, cơ quan có trách nhiệm thông báo kiểm tra số liệu, thông báo luồng đường thủy nội địa.

29.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

29.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố thông báo luồng theo mẫu

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

29.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng.

29.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

29.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không

29.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Thông báo luồng đường thủy nội địa.

29.8. Phí, lệ phí: Không

29.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị thông báo luồng đường thủy nội địa.

29.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

29.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ THÔNG BÁO LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng...năm ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thông báo luồng đường thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

(2)...báo cáo kết quả khảo sát luồng đường thủy nội địa (3). Đề nghị ...(1) xem xét thông báo luồng... (3).

Hồ sơ gửi kèm gồm:

.....

Đề nghị (1) xem xét, thông báo./.

THỦ TRƯỞNG (2)

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Cơ quan thông báo luồng.
- (2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị.
- (3) Tên luồng đường thủy nội địa.

30. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa

30.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa nộp hồ sơ đến cơ quan sau:

- Bộ Giao thông vận tải : thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định;

- Sở Giao thông vận tải: thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định.

b) Giải quyết TTHC:

- Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì gửi báo cáo kết quả thẩm định và 01 bộ hồ sơ về Bộ Giao thông vận tải;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải ban hành văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư.

- Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải có văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư.

30.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

30.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa theo mẫu;
- Hồ sơ dự án;
- Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Bình đồ vị trí xây dựng cảng thủy nội địa: Thể hiện địa danh, vị trí công trình cảng, kho, bãi, vùng nước, lý trình (km) sông, kênh, rạch; vùng đất; các công trình liên kề (nếu có). Vùng nước trên bản vẽ phải thể hiện chiều rộng tối thiểu từ mép bờ đến hết chiều rộng luồng. Bình đồ được lập trên hệ tọa độ quốc gia VN2000 và cao độ nhà nước, có tỷ lệ từ 1/500 đến 1/1000.

b) Số lượng hồ sơ:

- 01 (một) bộ hồ sơ đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;
- 02 (hai) bộ hồ sơ đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

30.4. Thời hạn giải quyết:

- Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:
 - + Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì gửi báo cáo kết quả thẩm định và 01 bộ hồ sơ về Bộ Giao thông vận tải;
 - + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa;
 - + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải;
 - + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải ban hành văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư.
- Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải có văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư.

30.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

30.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Giao thông vận tải; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Giao thông vận tải; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

30.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng.

30.8. Phí, lệ phí: Không.

30.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa.

30.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

30.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ THỎA THUẬN THÔNG SỐ KỸ THUẬT XÂY DỰNG
CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng, bến thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng năm ... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng cảng, bến thủy nội địa (tên cảng, bến thủy nội địa)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

2. Quy mô dự kiến (số cầu cảng, bến; kết cấu, cao trình mặt cầu cảng, bến).

3. Mục đích sử dụng

4. Phạm vi vùng đất sử dụng

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ...m; có sức chở... hành khách.

6. Phạm vi vùng nước sử dụng: (chiều dài dọc theo bờ sông, kênh ...m, chiều rộng từ mép ngoài cầu cảng, bến...m);

7. Thời gian thực hiện:

8. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản thỏa thuận xây dựng, (thiết lập) cảng (bến).

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Đối với bến thủy nội địa tạm thời không phải ghi nội dung này.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

31. Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa

31.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Chủ đầu tư xây dựng công trình, tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết sau:

- Bộ Giao thông vận tải: thỏa thuận đối với các công trình, hoạt động quốc phòng, an ninh có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: thỏa thuận đối với công trình, các hoạt động quốc phòng, an ninh có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương;

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với các công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, hành lang bảo vệ luồng, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải;

- Sở Giao thông vận tải: thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với các công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, hành lang bảo vệ luồng, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cảng vụ, Sở Giao thông vận tải (nơi chưa có Cảng vụ): thỏa thuận đối với hoạt động nạo vét cải tạo vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thỏa thuận gửi chủ đầu tư.

31.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

31.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thỏa thuận xây dựng công trình theo mẫu;

- Bản vẽ mặt cắt công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông.

- Bản vẽ khu vực xây dựng công trình trên hệ tọa độ quốc gia VN2000, hệ cao độ nhà nước. Trên bản vẽ thể hiện vị trí công trình và cao độ tự nhiên, địa hình, địa vật của sông, kênh đối với khu vực xây dựng công trình, các công trình liền kề (nếu có) và các tài liệu sau:

+ Đối với cầu vĩnh cửu, cầu tạm: số liệu về kích thước khoang thông thuyền (vị trí, chiều rộng, chiều cao tĩnh không); mặt cắt dọc công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông, kênh;

+ Đối với cầu quay, cầu cút, cầu phao, cầu nâng hạ, công trình thủy điện kết hợp giao thông: số liệu về khoang thông thuyền (vị trí, chiều rộng, chiều cao tĩnh không, chiều dài, độ sâu ngưỡng âu); phương án và công nghệ đóng, mở; bản vẽ thiết kế vị trí, vùng nước dự kiến bố trí cho phương tiện neo đậu khi chờ đợi qua công trình;

+ Đối với đường ống, đường dây, công trình vượt qua luồng trên không: bản vẽ, các số liệu về chiều cao tĩnh không, thể hiện điểm cao nhất của đường ống, đường dây (điểm thấp nhất của đường dây điện, tính cả hành lang an toàn lưới điện), công trình vượt qua luồng;

+ Đối với công trình ngầm, đường dây, đường ống dưới đáy luồng: bản vẽ thể hiện khoảng cách, cao trình đỉnh công trình đến cao trình đáy thiết kế luồng, phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa;

+ Đối với công trình đập, thủy điện, thủy lợi: bình đồ và bản vẽ khu vực cảng, bến thủy nội địa hoặc khu vực chuyển tải tại thượng lưu và hạ lưu công trình; phương án bóc xếp, chuyển tải;

+ Đối với công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; công trình phong điện, nhiệt điện; bến phà, kè: bản vẽ thể hiện mặt bằng khu vực cảng; công trình kè, chỉnh trị khác; kích thước, kết cấu các cầu cảng, kè, công trình chỉnh trị khác và các công trình phụ trợ; vùng nước của cảng.

* Đối với các hoạt động : Hoạt động thi công công trình (bao gồm hoạt động nạo vét vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu); khai thác tài nguyên, khoáng sản; Khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản (bè cá, lồng cá, đặng, đáy cá, bãi nuôi trồng thủy sản, hải sản); tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, diễn tập, thể thao, lễ hội; họp chợ, làng nghề, thực hành đào tạo nghề, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị thỏa thuận theo mẫu;

- Bản vẽ thể hiện phạm vi khu vực hoạt động, phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng, khoảng cách đến các công trình liên quan ở khu vực và phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa;

- Bản vẽ các mặt cắt ngang và hồ sơ mốc để xác định phạm vi, cao trình nạo vét, khai thác tài nguyên, khoáng sản (đối với hoạt động nạo vét cải tạo vùng nước cảng, bến thủy nội địa, luồng chuyên dùng vào cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; khai thác tài nguyên, khoáng sản).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

31.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

31.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

31.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ GTVT, UBND cấp tỉnh, Cục đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ GTVT, UBND cấp tỉnh, Cục đường thủy nội địa Việt Nam; Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ

- Cơ quan phối hợp: Không

31.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản thỏa thuận.

31.8. Phí, lệ phí: Không

31.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị thỏa thuận vị trí xây dựng công trình.

31.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

31.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ THỎA THUẬN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thỏa thuận vị trí xây dựng công trình (không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa) hoặc tổ chức hoạt động trên đường thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng... năm... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng công trình (tổ chức hoạt động) (2)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3)

Từ km thứ..... đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Quy mô dự kiến xây dựng (hoạt động)

3. Mục đích sử dụng

4. Phạm vi vùng đất, vùng nước sử dụng

5. Mức độ ảnh hưởng đến an toàn giao thông:

6. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Tên công trình, hoạt động,

(3) Trên bờ hay trên đường thủy và sử dụng hệ tọa độ VN 2000.

32. Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa

32.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Trước khi thi công công trình hoặc tổ chức các hoạt động trên đường thủy nội địa, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công công trình, tổ chức hoạt động gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền sau:

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: công bố hạn chế giao thông đối với trường hợp bảo đảm quốc phòng, an ninh trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải tiếp giáp với hành lang bảo vệ luồng quốc gia;

- Chi cục đường thủy nội địa khu vực: công bố hạn chế giao thông đối với các trường hợp trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải tiếp giáp với hành lang bảo vệ luồng quốc gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam dưới đây:

+ Có vật chướng ngại trên luồng gây cản trở giao thông;

+ Thi công công trình trên luồng, hành lang bảo vệ luồng, vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải mà xuất hiện tình huống gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông);

- Sở Giao thông vận tải: công bố hạn chế giao thông đối với các trường hợp trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ vùng nước thuộc thẩm quyền của Cục Đường thủy nội địa và Chi cục đường thủy nội địa dưới đây:

+ Có vật chướng ngại trên luồng gây cản trở giao thông;

+ Thi công công trình trên luồng, hành lang bảo vệ luồng, vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải mà xuất hiện tình huống gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông;

+ Công trình trên đường thủy nội địa làm hạn chế chuẩn tắc luồng đã được công bố;

+ Hoạt động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn;

+ Hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh;

+ Hoạt động diễn tập, thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí, thực tập đào tạo nghề, họp chợ, làng nghề;

- Cảng vụ: công bố hạn chế giao thông trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản công bố hạn chế giao thông đường

thủy nội địa gửi cho chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân.

32.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

32.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (ghi rõ vị trí, thời gian hạn chế thi công).

- Phương án đảm bảo đảm an toàn giao thông được phê duyệt.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

32.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **LuatVietnam**

32.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ đầu tư xây dựng công trình, Tổ chức, cá nhân.

32.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Chi cục đường thủy nội địa khu vực; Sở Giao thông vận tải; Cảng vụ Đường thủy nội địa.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Chi cục đường thủy nội địa khu vực; Sở Giao thông vận tải; Cảng vụ Đường thủy nội địa.

- Cơ quan phối hợp: Không

32.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa.

32.8. Phí, lệ phí: Không

32.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

32.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

32.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

33. Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông

33.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Trước khi thi công công trình (công trình xây dựng: Công trình phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Kè, đập thủy lợi, cầu, bến phà; Phong điện, nhiệt điện, thủy điện; Công trình vượt qua luồng trên không hoặc dưới đáy luồng; Công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường thủy nội địa.), tổ chức hoạt động (hoạt động thi công công trình (bao gồm hoạt động nạo vét vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu); khai thác tài nguyên, khoáng sản; Khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản (bè cá, lồng cá, đặng, đáy cá, bãi nuôi trồng thủy sản, hải sản); tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, diễn tập, thể thao, lễ hội; họp chợ, làng nghề, thực hành đào tạo nghề; Các hoạt động khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường thủy nội địa), chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến cơ quan sau để đề nghị chấp thuận:

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia.

- Chi cục đường thủy nội địa khu vực chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải tiếp giáp với hành lang bảo vệ luồng quốc gia, trừ trường hợp quy định thuộc thẩm quyền của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và Cảng vụ.

- Sở Giao thông vận tải chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này. Căn cứ tình hình thực tế, Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông;

- Cảng vụ chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động sửa chữa, cải tạo nâng cấp và hoạt động khác trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền văn bản chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông gửi cho chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân.

33.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

33.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông theo mẫu;

- Phương án thi công, thời gian, tiến độ thi công công trình, tổ chức hoạt động;
- Phương án bảo đảm an toàn giao thông;
- Bản sao bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình, phạm vi khu vực tổ chức thi công công trình, tổ chức hoạt động.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

33.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định.

33.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

33.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Chi cục đường thủy nội địa khu vực; Sở Giao thông vận tải; Cảng vụ

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Chi cục đường thủy nội địa khu vực; Sở Giao thông vận tải; Cảng vụ

- Cơ quan phối hợp: Không

33.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông.

33.8. Phí, lệ phí: Không

33.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông

33.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

33.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

 ..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; **LuatVietnam**

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày tháng... năm... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị... (1) ... xem xét chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình (2)tại..... (1)..... với các thông tin như sau:

1. Tên công trình:

2. Vị trí xây dựng công trình:

3. Thời gian xây dựng công trình:

4. Phương án bảo đảm an toàn giao thông

5. Bản sao văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

6. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

(2) Đầu tư, xây dựng, thi công, khai thác... tên công trình.

(3) Tên khu vực, tuyến, luồng, vùng nước...